

Số: 05 /TB-ĐHKTKT-HĐTS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO
ĐIỂM TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
THEO CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN NĂM 2026

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/03/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-ĐHKTKT ngày 18/6/2025 về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương;

Căn cứ Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 1961/QĐ-BGDĐT, ngày 7/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1962/QĐ-BGDĐT, ngày 7/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe có giấy phép hành nghề trình độ đại học năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 01/TB-ĐHKTKT-HĐTS ngày 13/7/2026 của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật về điểm ngưỡng nhận hồ sơ xét tuyển đại học chính quy theo các phương thức tuyển sinh năm 2026;

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương thông báo điểm trúng tuyển trình độ đại học chính quy theo các phương thức xét tuyển năm 2026, cụ thể như sau:

I. Điểm trúng tuyển đại học chính quy theo các phương thức năm 2026

1. Điểm trúng tuyển theo kết quả học tập THPT (Học bạ) năm 2026

Điểm trúng tuyển là tổng điểm 3 môn của tổ hợp xét tuyển, không nhân hệ số, được làm tròn đến 2 chữ số thập phân và là mức điểm đối với thí sinh thuộc khu vực 3.

- Mức điểm chênh lệch giữa 2 nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 điểm, giữa 2 khu vực kế tiếp là 0.25 điểm.



Handwritten signature

STT	Tên ngành	Mã ngành	Điểm trúng tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Quản trị kinh doanh	7340101	≥ 15	A00, A01, C01, C14, D01, D07, D10, D84, X03, X26, Y08
2	Marketing	7340115	≥ 15	A00, A01, C01, C14, D01, D07, D10, D84, X03, X26, Y08
3	Quản trị văn phòng	7340406	≥ 15	C00, C03, C04, D01
4	Thương mại điện tử	7340122	≥ 15	A00, A01, C01, C14, D01, D07, D10, D84, X03, X26, Y08
5	Kế toán	7340301	≥ 15	A00, A01, C01, C14, D01, D07, D10, D84, X03, X26, Y08
6	Tài chính - Ngân hàng	7340201	≥ 15	A00, A01, C01, C14, D01, D07, D10, D84, X03, X26, Y08
7	Công nghệ thông tin	7480201	≥ 15	A00, A01, C01, D01, X02, X03, X06, X07, X26, X27, X56
8	Kỹ thuật phần mềm	7480103	≥ 15	A00, A01, C01, D01, X02, X03, X06, X07, X26, X27, X56
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	≥ 15	A00, A01, C01, D01, X02, X03, X06, X07, X26
10	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	≥ 15	A00, A01, C01, D01, X02, X03, X06, X07, X26
11	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	≥ 15	A00, A01, C01, C03, C14, D01, X02, X03, X06, X07, X26, X27, X56
12	Ngôn ngữ Anh	7220201	≥ 15	C00, C03, C04, D01, D10, D14, D15, D66, X79
13	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	≥ 15	C00, C03, C04, C14, D01, D14, D15, D66, X79
14	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	≥ 15	A01, C00, D01, D04, D14, D15, D78
15	Quan hệ công chúng	7320108	≥ 15	C00, C01, C03, C14, D01, D66, X79
16	Truyền thông đa Phương tiện	7320104	≥ 15	A00, A01, C00, C01, C03, D01, D09, D14, D15
17	Luật	7380101	≥ 20	A03, C00, C03, C07, C14, D01, D09, D10, D14, D15, D84
18	Luật kinh tế	7380107	≥ 20	A03, C00, C03, C07, C14, D01, D09, D10, D14, D15, D84
19	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	≥ 15	C00, C03, C04, D01, D09, D10, D14, D15, D66, X26
20	Dược học	7720201	≥ 20	A00, A11, B00, B03, C02, D01, D07, X10, X11

• Riêng thí sinh đăng kí xét tuyển ngành Dược học ngoài điều kiện bắt buộc trên còn căn cứ vào kết quả học tập ở bậc THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại Tốt hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8.5 trở lên và điểm thi tốt nghiệp THPT phải đạt từ 20 điểm trở lên đối với thí sinh thuộc khu vực 3.

2. Riêng ngành Luật và ngành Luật kinh tế ngoài điều kiện bắt buộc trên còn căn cứ vào kết quả học tập ở bậc THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại Tốt hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8.5 trở lên và điểm thi tốt nghiệp THPT phải đạt từ 18 điểm trở lên.

2. Điểm trúng tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026

- Điểm trúng tuyển là tổng điểm 3 môn của tổ hợp xét tuyển, không nhân hệ số, được làm tròn đến 2 chữ số thập phân và là mức điểm đối với thí sinh thuộc khu vực 3.

- Mức điểm chênh lệch giữa 2 nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 điểm, giữa 2 khu vực kế tiếp là 0.25 điểm.

STT	Tên ngành	Mã ngành	Điểm trúng tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Quản trị kinh doanh	7340101	≥ 15	A00, A01, C01, C14, D01, D07, D10, D84, X03, X26, Y08
2	Marketing	7340115	≥ 15	A00, A01, C01, C14, D01, D07, D10, D84, X03, X26, Y08
3	Quản trị văn phòng	7340406	≥ 15	C00, C03, C04, D01
4	Thương mại điện tử	7340122	≥ 15	A00, A01, C01, C14, D01, D07, D10, D84, X03, X26, Y08
5	Kế toán	7340301	≥ 15	A00, A01, C01, C14, D01, D07, D10, D84, X03, X26, Y08
6	Tài chính - Ngân hàng	7340201	≥ 15	A00, A01, C01, C14, D01, D07, D10, D84, X03, X26, Y08
7	Công nghệ thông tin	7480201	≥ 15	A00, A01, C01, D01, X02, X03, X06, X07, X26, X27, X56
8	Kỹ thuật phần mềm	7480103	≥ 15	A00, A01, C01, D01, X02, X03, X06, X07, X26, X27, X56
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	≥ 15	A00, A01, C01, D01, X02, X03, X06, X07, X26
10	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	≥ 15	A00, A01, C01, D01, X02, X03, X06, X07, X26
11	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	≥ 15	A00, A01, C01, C03, C14, D01, X02, X03, X06, X07, X26, X27, X56
12	Ngôn ngữ Anh	7220201	≥ 15	C00, C03, C04, D01, D10, D14, D15, D66, X79

STT	Tên ngành	Mã ngành	Điểm trúng tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển
13	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	≥ 15	C00, C03, C04, C14, D01, D14, D15, D66, X79
14	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	≥ 15	A01, C00, D01, D04, D14, D15, D78
15	Quan hệ công chúng	7320108	≥ 15	C00, C01, C03, C14, D01, D66, X79
16	Truyền thông đa Phương tiện	7320104	≥ 15	A00, A01, C00, C01, C03, D01, D09, D14, D15
17	Luật	7380101	20	A03, C00, C03, C07, C14, D01, D09, D10, D14, D15, D84
18	Luật kinh tế	7380107		A03, C00, C03, C07, C14, D01, D09, D10, D14, D15, D84
19	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	≥ 15	C00, C03, C04, D01, D09, D10, D14, D15, D66, X26
20	Dược học	7720201	20	A00, A11, B00, B03, C02, D01, D07, X10, X11

3. tuyển theo kết quả kỳ thi ĐGNL do ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh năm 2026 tổ chức và Xét tuyển theo kết quả kỳ thi SPT do Trường ĐHSP Hà Nội năm 2026 tổ chức

Điểm Năng lực (ĐNL) quy đổi về thang 30

Công thức quy đổi: $\text{ĐNLQĐ} = (\text{ĐNL} \times 30) / 1200$

STT	Tên ngành	Mã ngành	Điểm trúng tuyển
1	Quản trị kinh doanh	7340101	≥ 15
2	Marketing	7340115	≥ 15
3	Quản trị văn phòng	7340406	≥ 15
4	Thương mại điện tử	7340122	≥ 15
5	Kế toán	7340301	≥ 15
6	Tài chính - Ngân hàng	7340201	≥ 15
7	Công nghệ thông tin	7480201	≥ 15
8	Kỹ thuật phần mềm	7480103	≥ 15
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	≥ 15
10	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	≥ 15
11	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	≥ 15
12	Ngôn ngữ Anh	7220201	≥ 15

STT	Tên ngành	Mã ngành	Điểm trúng tuyển
13	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	≥ 15
14	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	≥ 15
15	Quan hệ công chúng	7320108	≥ 15
16	Truyền thông đa Phương tiện	7320104	≥ 15
17	Luật	7380101	≥ 20
18	Luật kinh tế	7380107	≥ 20
19	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	≥ 15
20	Dược học	7720201	≥ 20

• Riêng thí sinh đăng ký xét tuyển ngành Dược học ngoài điều kiện bắt buộc trên còn căn cứ vào kết quả học tập ở bậc THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại Tốt hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8.5 trở lên và điểm thi tốt nghiệp THPT phải đạt từ 20 điểm trở lên đối với thí sinh thuộc khu vực 3.

• Riêng ngành Luật và ngành Luật kinh tế ngoài điều kiện bắt buộc trên còn căn cứ vào kết quả học tập ở bậc THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại Tốt hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8.5 trở lên và điểm thi tốt nghiệp THPT phải đạt từ 18 điểm trở lên.

4. Mức điểm ưu tiên:

Năm 2026, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$

*Ghi chú: Đối với trường hợp thí sinh trúng tuyển có điểm xét tuyển < 18 điểm sẽ được nhà trường khảo sát, phân loại, phụ đạo các môn khoa học cơ bản để đảm bảo hoàn thành tốt chương trình đào tạo, đáp ứng các yêu cầu của chuẩn đầu ra.

II. Địa chỉ liên hệ

PHÒNG TUYỂN SINH – TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

- Địa chỉ: Số 333 Thuận Giao 16, Phường Thuận Giao, TP. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 0287.108.1979; Hotline: 0977.61.55.61-0888.61.66.61;

+ Website: www.ktk.edu.vn + Email: tuyensinh@ktkt.edu.vn

+ Fanpage: <https://www.facebook.com/dhkinhtekythuathbinhduong/>

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- BGH (để b/c);
- Hội đồng tuyển sinh;
- Các đơn vị thuộc trường;
- Website trường;
- Lưu VT: P.TS./.



TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà